



shén fù

神父

noun · priest

Example Sentences

Shén fù zài jiào táng lǐ zhǔ chí mí sā
神父在教堂里主持弥撒。

The priest is celebrating Mass in the church.

Nà wèi shén fù jīng cháng bāng zhù qióng rén
那位神父经常帮助穷人。

That priest often helps the poor.

Trace each character, then write the word on your own.

神 神 神 神 神 神 神 神 神 神 神

神

父 父 父 父 父 父 父